

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT
Ngày 18-5-2023
V/v tranh chấp chia tài sản vợ
chồng sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hữu, ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn*”; do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc V; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 16-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc V; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Khiếu Thị X; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bà Đào Thị Lan; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường Nghĩa Phú, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Thị T– Địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Phạm Thị P trình bày:

Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Ngọc V trước đây là vợ chồng. Năm 2016 hai ông bà ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nay không thỏa thuận được nên bà P yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất và các công trình gắn liền với thửa đất, cụ thể:

Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 7, diện tích 1400m² (theo kết quả đo đạc là 834m²) tọa lạc tại tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AP123366 do UBND thành phố G, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 22/5/2009 đứng tên ông Nguyễn Ngọc V. Tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4 diện tích 120m² và các công trình phụ. Nguồn gốc đất là vợ chồng bà mua của vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Hà vào năm 1993 với giá 3.000.000đ, còn nhà và cây trồng trên đất là do vợ chồng bà làm lụng, tích cóp tiền tạo nên. Bà không có nhu cầu sử dụng đất, nhà mà yêu cầu được chia giá trị tài sản bằng tiền là 2.000.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 18-02-2020, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày:

Ông V không đồng ý yêu cầu chia tài sản của bà P. Vì đất này là của bố mẹ ông mua của ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị T(chị gái, anh rể) cho riêng ông. Căn nhà trên đất cũng là do bố mẹ ông bán đất lấy tiền để xây.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 33, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị P về việc chia tài sản sau khi ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc V.

Chia tài sản chung của Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Ngọc V đối với QSDĐ diện tích 834m² thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản là cây trồng và công trình xây dựng trên đất.

Giao cho ông Nguyễn Ngọc V được quyền quản lý, sử dụng diện tích 834m² đất và toàn bộ tài sản là cây trồng và công trình xây dựng gắn liền trên đất thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận QSDĐ số AP 123366 ngày 22/5/2009 đứng tên ông Nguyễn Ngọc V (theo mảnh trích đo địa chính số 23-2021 ngày 16/6/2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố G, tỉnh Đắk Nông thực hiện). QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất có tổng giá trị là 5.520.813.000đ.

Ông Nguyễn Ngọc V phải thanh toán cho Bà Phạm Thị P số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 02-01-2022, ông Nguyễn Ngọc V kháng cáo, yêu cầu Tòa án xác định nguồn gốc khối tài sản bà P yêu cầu chia; phân chia tài sản theo hiện vật cho những người có quyền lợi được hưởng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn trình bày thêm về nợ chung của bà và ông V gồm: Vay nợ của bà Phạm Thị N số tiền 4.000.000đ; vay nợ ông Phạm Văn C số tiền 4.000.000đ; vay của bà Khiếu Thị X 01 chỉ vàng. Bà yêu cầu giải quyết nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn trình bày: Tài sản bà P yêu cầu chia là tài sản riêng của bố mẹ ông, nhờ ông đứng tên hộ. Về nợ chung: Ông và bà P nợ bà Khiếu Thị X 01 cây vàng và 02 tạ cà phê. Đối với số nợ của bà N và ông C (chị gái, anh trai của bà P) là việc vay mượn riêng giữa các ông bà này với bà P, ông không biết và không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khiếu Thị X (là mẹ của ông Nguyễn Ngọc V) trình bày: Toàn bộ tài sản bà P yêu cầu chia là tài sản riêng của bà và ông C (chồng bà - đã chết). Việc ông V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do vợ chồng bà nhờ đứng tên hộ vì ông V là con trai độc nhất. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Ngoài ra, yêu cầu ông V và bà P trả cho bà số nợ 01 cây vàng và 02 tạ cà phê.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ttrình bày: Bà là con gái bà X, chị gái ông V nên biết về sự việc. Bà xác nhận toàn bộ tài sản bà P yêu cầu chia là tài sản riêng của bố mẹ bà (bà X và ông Côn). Việc ông V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bố mẹ bà nhờ đứng tên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong việc xét xử vụ án; các bên đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông V. Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:*

Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Ngọc V kết hôn năm 1987 tại Thái Bình. Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là Nguyễn Ngọc C sinh năm 1988, Nguyễn Ngọc K sinh năm 1991. Năm 1992, ông V và bà P vào Đắk Nông lập nghiệp.

Do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình nên bà P xin ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 54/2016/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã G đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà P và ông V. Về tài sản bà P và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết (bút lục 04).

Do không thỏa thuận được nên bà P khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Tài sản bà P yêu cầu chia là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.400m², đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận QSDĐ số D0 448037 ngày 11/4/1995 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Ngọc V. Kết quả đo đạc thực tế diện tích đất còn lại là 834m², chiều rộng mặt đường là 16,83m, chiều sâu trung bình 49,5m (bút lục 197). Bà P yêu cầu chia bằng tiền, ông Nguyễn Ngọc V không hợp tác trong điều tra, thu thập chứng cứ nên án sơ thẩm chia toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông V. Ông V phải thanh toán lại cho bà P số tiền 2.000.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V thì thấy:

Căn cứ khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình “*Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị...*”. Xét thấy tài sản QSDĐ có thể chia bằng hiện vật nhưng cấp sơ thẩm chia theo giá trị là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc V và bà Khiếu Thị X khai nhận ông V và bà P có nợ bà X một số vàng; bà P khai khi nhận chuyển nhượng nhà, đất của bà Thom, khi mua xe máy cho ông V, bà P có vay mượn của một số người chưa trả. Mặt khác, bà P cho rằng trong diện tích bà yêu cầu chia, ông V đã bán cho ông bà Bằng Mai (không rõ họ tên cụ thể) 2m đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Những nội dung này các đương sự yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đây là những tình tiết mới phát sinh mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nên số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V, tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/HNGĐ-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc V số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006587 ngày 10-02-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND tp Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS tp G;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tài Sử

